NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

SO SÁNH ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA CỦA TIỂU TRƯỜNG ĐỒ ĂN VÀ THỨC UỐNG TRONG TRƯỜNG TỪ VỰNG-NGỮ NGHĨA ẨM THỰC TIẾNG H'MÔNG

PHẠM ANH TÚ*

TÓM TẮT: Bài viết so sánh các đặc điểm ngữ nghĩa của trường từ vựng chỉ đồ ăn và thức uống trong tiếng H'Mông, tập trung vào ba phương diện: (i) cấu trúc nghĩa và phạm vi biểu vật của các danh từ trung tâm, (ii) hệ nét nghĩa phân loại, và (iii) các quan hệ ngữ nghĩa trong từng trường từ vựng. Kết quả phân tích cho thấy cả hai trường đều được tổ chức xoay quanh những danh từ trung tâm có mức độ khái quát cao (như *maor* (cơm), *greix* (thịt), *jâuz* (rau), *cuô* (nước), *chơur* (rượu)), song khác nhau ở các trục phân loại chủ đạo: trường đồ ăn nhấn mạnh các trạng thái chế biến và cấu trúc vật thể của món ăn, trong khi trường thức uống nhấn mạnh loại chất lỏng, đặc trưng vị giác và công dụng - chức năng sử dụng (như giải khát, hỗ trợ sức khoẻ, có cồn). Những khác biệt này làm rõ các cơ chế tổ chức ngữ nghĩa khác nhau của hai tiểu trường trong hệ thống từ vựng ẩm thực tiếng H'Mông.

TỪ KHÓA: Tiếng H'Mông; trường từ vựng; đồ ăn; thức uống; ngữ nghĩa học từ vựng.
NHẬN BÀI: 05/06/2026. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 02/11/2026

1. Mở đầu

Trong nghiên cứu ngữ nghĩa học, việc khảo sát các trường từ vựng gắn với đời sống sinh hoạt có ý nghĩa quan trọng, bởi đây là những lĩnh vực phản ánh trực tiếp cách thức ngôn ngữ tổ chức và phân chia nghĩa trong các phạm trù gần gũi với kinh nghiệm thường nhật của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ. Trường từ vựng chỉ đồ ăn và thức uống là hai tiểu trường có quan hệ mật thiết, cùng thuộc phạm trù ẩm thực nhưng gắn với hai hoạt động cơ bản khác nhau là ăn và uống. Mặc dù có mối liên hệ chặt chẽ, hai tiểu trường này lại được tổ chức theo những trục ngữ nghĩa không hoàn toàn trùng khớp, do đặc điểm biểu vật và cách sử dụng của đối tượng được định danh có sự khác biệt. Việc đặt hai tiểu trường này trong quan hệ so sánh cho phép làm rõ cách thức phân chia và tổ chức các phạm trù nghĩa trong cùng một lĩnh vực từ vựng.

Trong tiếng H'Mông, từ vựng chỉ đồ ăn và thức uống khá phong phú, trong đó các đơn vị như *maor* (cơm), *greix* (thịt), *jâuz* (rau), *kaok* (củ), *cuô* (nước), *chơur* (rượu),… giữ vai trò hạt nhân trong việc hình thành nhiều tổ hợp định danh. Các danh từ này đảm nhiệm chức năng xác lập nghĩa loại và chi phối quá trình khu biệt hóa các đơn vị từ vựng thuộc hai tiểu trường. Tuy nhiên, trong các tư liệu và nghiên cứu hiện có, các từ ngữ chỉ đồ ăn và thức uống trong tiếng H'Mông chủ yếu mới được ghi nhận như những đơn vị từ vựng riêng lẻ trong từ điển song ngữ hoặc được đề cập gián tiếp trong các mô tả về đời sống văn hóa. Việc khảo sát và so sánh một cách hệ thống đặc điểm ngữ nghĩa của hai tiểu trường đồ ăn và thức uống dưới góc độ ngữ nghĩa học từ vựng vẫn chưa được chú ý đầy đủ.

Xuất phát từ thực tế đó, bài viết này tiến hành so sánh đặc điểm ngữ nghĩa của hai tiểu trường từ vựng chỉ đồ ăn và thức uống trong tiếng H'Mông, tập trung vào ba phương diện: (i) cấu trúc nghĩa của các danh từ trung tâm, (ii) hệ nét nghĩa phân loại và (iii) các quan hệ ngữ nghĩa nội tại trong từng tiểu trường. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ sự khác biệt trong cơ chế tổ chức nghĩa của trường từ

**TS; Viện Ngôn ngữ học; Email: tupham.vass@gmail.com*

vựng ẩm thực trong tiếng H'Mông dưới góc nhìn ngữ nghĩa học. Dữ liệu bài viết được thu thập từ hai cuốn từ điển: 1) Nguyễn Văn Chỉnh (1996), *Từ điển Việt - Mông*, Nxb. Văn hóa dân tộc; 2) Thào Seo Sình, Phan Xuân Thành, Phan Thanh (1999), *Từ điển Việt - Mông*, Nxb. Giáo dục. Bài viết vận dụng phương pháp miêu tả, phân tích ngữ nghĩa và so sánh đối chiếu nhằm nhận diện những điểm tương đồng và khác biệt trong cách tổ chức ngữ nghĩa của trường đồ ăn và trường thức uống trong tiếng H'Mông.

2. Tình hình nghiên cứu và cơ sở lí luận về ngữ nghĩa

2.1. Tình hình nghiên cứu

Trong nghiên cứu ngôn ngữ học ở Việt Nam, từ vựng ẩm thực đã bắt đầu được quan tâm trong khoảng hơn một thập niên trở lại đây, chủ yếu dưới góc độ ngữ nghĩa học từ vựng và ngôn ngữ - văn hóa. Một số công trình đã tiếp cận trường nghĩa ẩm thực như một chỉnh thể, trong đó bao gồm các tiểu trường như đồ ăn, thức uống, hoạt động ăn uống, mùi vị và phương thức chế biến. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này mới dừng lại ở việc khảo sát từng tiểu trường riêng lẻ hoặc mô tả đặc điểm chung của trường ẩm thực, chưa đặt các tiểu trường đồ ăn và thức uống vào quan hệ so sánh ngữ nghĩa trực tiếp để làm rõ sự khác biệt về cơ chế tổ chức nghĩa. Nghiên cứu của Ngô Minh Nguyệt (2014) về trường ngữ nghĩa ẩm thực trong tiếng Hán và tiếng Việt đã góp phần quan trọng trong việc xác lập cấu trúc chung của trường nghĩa này, đồng thời chỉ ra một số đặc điểm ngữ nghĩa và văn hóa thể hiện qua các từ ngữ ẩm thực. Tuy nhiên, công trình này tập trung vào đối chiếu liên ngôn ngữ, trong đó đồ ăn và thức uống được xem như các tiểu trường thuộc cùng một chỉnh thể, chứ chưa được phân tích và so sánh một cách hệ thống về cấu trúc nghĩa, trục phân loại và quan hệ ngữ nghĩa nội tại. Các nghiên cứu khác trong tiếng Việt thường lựa chọn hoặc trường đồ ăn, hoặc trường thức uống làm đối tượng khảo sát, nhằm làm rõ đặc điểm định danh, nghĩa biểu trưng hoặc đặc điểm ngữ nghĩa của từng nhóm từ, song chưa chú ý đầy đủ đến mối quan hệ so sánh giữa hai tiểu trường này trong cùng một ngôn ngữ.

Đối với tiếng H'Mông, các công trình nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung vào mô tả ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp và biên soạn từ điển. Từ vựng chỉ đồ ăn và thức uống mới chỉ được ghi nhận rải rác như những đơn vị từ vựng riêng lẻ trong các từ điển song ngữ hoặc xuất hiện gián tiếp trong các mô tả về văn hóa sinh hoạt và nghi lễ cộng đồng. Cho đến nay, chưa có công trình nào khảo sát trường đồ ăn và trường thức uống trong tiếng H'Mông dưới góc độ so sánh ngữ nghĩa, cũng như chưa làm rõ sự khác biệt trong cách ngôn ngữ này tổ chức kinh nghiệm ăn và uống thông qua các trục phân loại và các quan hệ nghĩa.

Có thể thấy rằng cho đến nay, chưa có công trình nào, cả trong tiếng Việt lẫn trong các ngôn ngữ dân tộc thiểu số, đặt trường đồ ăn và trường thức uống vào quan hệ so sánh ngữ nghĩa một cách hệ thống, nhằm làm rõ sự khác biệt về cấu trúc nghĩa của các danh từ trung tâm, về các trục phân loại và về các quan hệ ngữ nghĩa nội tại của từng trường. Khoảng trống nghiên cứu này cho thấy nhu cầu cần thiết của việc tiếp cận hai tiểu trường không chỉ như những bộ phận của cùng một miền ẩm thực, mà còn như hai hệ thống ngữ nghĩa có cách tổ chức và khái quát hóa kinh nghiệm khác nhau. Chính từ thực tế đó, việc nghiên cứu so sánh đặc điểm ngữ nghĩa của trường đồ ăn và trường thức uống trong tiếng H'Mông là cần thiết, có ý nghĩa cả về mặt lí luận lẫn thực tiễn.

2.2. Về ngữ nghĩa

2.2.1. Trường từ vựng trong nghiên cứu so sánh

Trong ngữ nghĩa học từ vựng, trường từ vựng (hay trường ngữ nghĩa) được hiểu là tập hợp các đơn vị từ có quan hệ với nhau về mặt ý nghĩa, cùng phản ánh những khía cạnh khác nhau của một phạm trù hiện thực hoặc một phạm trù khái niệm nhất định. Theo Đỗ Hữu Châu, "mỗi tiểu hệ thống ngữ nghĩa được gọi là một trường nghĩa. Đó là những tập hợp từ đồng nhất với nhau về ngữ nghĩa" (Đỗ Hữu Châu, 1999, tr.171). Cách tiếp cận này nhấn mạnh tính hệ thống của từ vựng, coi từ không tồn tại biệt lập mà luôn nằm trong mạng lưới các quan hệ nghĩa. Từ đó, nghiên cứu trường từ vựng không chỉ nhằm miêu tả nghĩa của từng từ riêng lẻ, mà còn nhằm làm rõ cách thức hệ thống từ vựng

của một ngôn ngữ được tổ chức và vận hành. So sánh trường từ vựng vì vậy không chỉ nhằm đối chiếu hình thức từ ngữ, mà quan trọng hơn, còn nhằm làm rõ sự khác biệt trong việc lựa chọn các đơn vị trung tâm, trong cấu trúc nghĩa và trong các quan hệ ngữ nghĩa nội tại chi phối từng trường. Trong bài viết này, trường từ vựng chỉ đồ ăn và trường từ vựng chỉ thức uống được tiếp cận như hai tiểu trường thuộc trường từ vựng ẩm thực của tiếng H'Mông. Việc đặt hai tiểu trường này vào quan hệ so sánh cho phép làm rõ cách hệ thống từ vựng tiếng H'Mông tổ chức và phân chia nghĩa đối với hai phạm trù đồ ăn và thức uống.

2.2.2. Danh từ trung tâm trong so sánh trường nghĩa

Trong nghiên cứu trường từ vựng, việc xác định đơn vị trung tâm có ý nghĩa quan trọng, bởi đơn vị trung tâm thường là điểm quy tụ các đơn vị khác trong cùng một trường. Để xác lập một trường biểu vật, có thể chọn một danh từ biểu thị sự vật làm gốc, đó chính là danh từ trung tâm, rồi trên cơ sở đó thu thập các từ ngữ có cùng phạm vi biểu vật với danh từ trung tâm đó. "Các danh từ này thường có ý nghĩa khái quát cao, gần như là tên gọi của các phạm trù biểu vật,…" (Đỗ Hữu Châu, 1999, tr.172). Trong nghiên cứu so sánh, việc phân tích cấu trúc nghĩa của các danh từ trung tâm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Những khác biệt về phạm vi nghĩa, mức độ khái quát hoặc khả năng kết hợp của danh từ trung tâm phản ánh sự khác biệt trong cách hệ thống từ vựng tổ chức các trường nghĩa tương ứng. Do đó, so sánh trường đồ ăn và trường thức uống trước hết là so sánh cách các danh từ trung tâm của hai trường này được cấu trúc và vận hành trong hệ thống từ vựng tiếng H'Mông.

2.2.3. Nét nghĩa phân loại và trục tổ chức ngữ nghĩa trong so sánh

Trong quá trình tổ chức trường từ vựng, các đơn vị từ không chỉ có nét nghĩa chung để cùng thuộc về một trường, mà còn có những nét nghĩa riêng giúp phân biệt đơn vị này với đơn vị khác. Quan điểm này cho thấy việc nghiên cứu trường nghĩa không chỉ dừng lại ở phạm vi biểu vật, mà còn cần chú ý đến cấu trúc nghĩa phân loại bên trong của các đơn vị từ. Các nét nghĩa phân loại đó được hiểu là những đặc điểm ngữ nghĩa cụ thể có chức năng phân chia các đơn vị trong cùng một trường thành những nhóm nhỏ hơn. Các nét nghĩa phân loại thường được tổ chức thành những trục phân loại, chi phối cách thức mở rộng và phân tầng của trường từ vựng. Trong nghiên cứu so sánh, việc xác định các trục tổ chức ngữ nghĩa cho phép làm rõ mức độ chi phối và vai trò tổ chức của từng trục trong mỗi trường. Hai trường từ vựng có thể cùng chia sẻ một số trục phân loại, nhưng khác nhau về thứ bậc ưu tiên, phạm vi áp dụng và mức độ phát triển của các trục đó. Vì vậy, so sánh các trục tổ chức ngữ nghĩa là cơ sở quan trọng để nhận diện sự tương đồng và khác biệt giữa trường từ vựng chỉ đồ ăn và trường từ vựng chỉ thức uống trong tiếng H'Mông.

2.2.4. Quan hệ ngữ nghĩa nội tại trong so sánh trường nghĩa

Bên cạnh đơn vị trung tâm và các nét nghĩa khu biệt, trường từ vựng còn được tổ chức thông qua những quan hệ ngữ nghĩa nội tại giữa các đơn vị trong trường. Khi xác lập trường từ vựng, cần chú ý đến những trường hợp điển hình, tức là những trường hợp mang các đặc trưng từ vựng ngữ nghĩa được lấy làm cơ sở, giữ vai trò trung tâm của trường. Đồng thời, cần xác lập vùng ngoại vi bằng những từ có khả năng đi vào một số trường khác nhau. (theo Đỗ Hữu Châu, 1998, tr.260-268). Qua đó, có thể thấy các đơn vị trong một trường từ vựng thường không có vị trí ngang bằng tuyệt đối, mà được tổ chức theo quan hệ trung tâm - ngoại vi, quan hệ khái quát - cụ thể và quan hệ đồng nghĩa hoặc đối lập nghĩa trong phạm vi trường. Trong nghiên cứu so sánh, việc đối chiếu các quan hệ ngữ nghĩa nội tại giúp làm rõ mức độ phân hóa của từng trường, khả năng tạo lập các tiểu trường và ranh giới giữa các nhóm từ. Trên cơ sở đó, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt trong cách hai trường từ vựng này được cấu trúc trong hệ thống từ vựng tiếng H'Mông.

Tóm lại, cơ sở lí thuyết của bài viết dựa trên cách tiếp cận ngữ nghĩa học từ vựng, vận dụng các khái niệm trường từ vựng, danh từ trung tâm, cấu trúc nghĩa, nét nghĩa phân loại và quan hệ ngữ nghĩa nội tại để so sánh một cách hệ thống đặc điểm ngữ nghĩa của trường đồ ăn và trường thức uống trong tiếng H'Mông.

3. So sánh đặc điểm ngữ nghĩa của trường đồ ăn và thức uống trong tiếng H'Mông

Theo số liệu khảo sát, trường đồ ăn trong tiếng H'Mông gồm 1.062 mục từ, trong khi trường thức uống gồm 457 mục từ. Giữa hai tiểu trường này tồn tại một bộ phận từ vựng giao thoa, bởi một số đơn vị từ vựng có thể đồng thời tham gia vào cả phạm vi đồ ăn và thức uống. Vì vậy, tổng số mục từ của hai tiểu trường 1.519 lớn hơn số lượng 1.179 mục từ của toàn bộ trường từ vựng ẩm thực; trong đó số lượng các đơn vị giao thoa là 340 mục từ.

Xét trên bình diện tổ chức ngữ nghĩa, trường đồ ăn và trường thức uống trong tiếng H'Mông có một số đặc điểm chung cơ bản. Trước hết, cả hai đều được tổ chức quanh các danh từ trung tâm có mức độ khái quát cao, giữ vai trò hạt nhân trong việc hình thành các tổ hợp định danh cụ thể. Bên cạnh đó, nghĩa của các đơn vị từ vựng ở cả hai tiểu trường đều được triển khai theo mô hình nghĩa hạt nhân kết hợp với các nét nghĩa khu biệt, qua đó cho phép phân chia nội bộ phạm trù thành các nhóm nghĩa nhỏ hơn. Ngoài ra, cả hai tiểu trường đều được tổ chức thông qua hệ nét nghĩa phân loại và các quan hệ ngữ nghĩa nội tại như quan hệ bao thuộc, toàn thể - bộ phận, đồng nghĩa, trái nghĩa,… tạo nên những mạng lưới nghĩa có tính hệ thống trong trường từ vựng ẩm thực tiếng H'Mông.

Tuy nhiên, sự khác biệt giữa hai tiểu trường lại thể hiện khá rõ ở ba phương diện chính: i) cấu trúc nghĩa của các danh từ trung tâm; ii) hệ nét nghĩa phân loại và iii) các quan hệ ngữ nghĩa nội tại trong từng tiểu trường. Nếu trường đồ ăn thiên về bản thể vật chất, trạng thái và quá trình chế biến của thực phẩm, thì trường thức uống lại nổi bật ở đặc trưng chất lỏng, vị giác, chức năng sử dụng và các quan hệ ngữ nghĩa gắn với tiến trình pha chế. Trên cơ sở đó, các tiểu mục sau sẽ lần lượt làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt mang tính hệ thống giữa hai tiểu trường này.

3.1. Cấu trúc nghĩa của các danh từ trung tâm

Trong cả hai tiểu trường đồ ăn và thức uống của tiếng H'Mông, các danh từ trung tâm đều giữ vai trò hạt nhân trong việc tổ chức nghĩa cho toàn bộ hệ thống từ vựng. Tuy nhiên, giữa hai tiểu trường này còn tồn tại những khác biệt cơ bản ở tầng nghĩa hạt nhân, ở cơ chế mở rộng nghĩa và ở hướng khu biệt hóa các đơn vị từ vựng. Chính sự khác biệt này phản ánh hai cách khái quát hóa khác nhau của tiếng H'Mông đối với hai phạm trù ăn và uống.

Trong trường đồ ăn, các danh từ trung tâm như *maor* (cơm), *greix* (thịt), *njêl* (cá), *jâuz* (rau), *kaok* (củ),… đều có nghĩa hạt nhân mang tính vật thể rõ nét. Các đơn vị này thường bao hàm những nét nghĩa cơ bản như [+thực thể], [+ăn được], [+hữu hình], [+có thể chế biến],… cho phép đối tượng được nhận diện trực tiếp thông qua các giác quan và thao tác chế biến. Trên nền nghĩa hạt nhân đó, các danh từ trung tâm mở rộng phạm vi biểu đạt theo hướng khu biệt hóa dựa trên những thuộc tính nội tại của thực phẩm.

Danh từ *greix* (thịt) là trường hợp tiêu biểu cho cơ chế tổ chức nghĩa của trường đồ ăn. Từ nghĩa khái quát chỉ thịt nói chung, *greix* mở rộng thành nhiều tổ hợp nghĩa cụ thể hơn, khu biệt theo các tiêu chí nét nghĩa khác nhau, như [+nguồn gốc]: *greix buô* (thịt lợn), *greix keiz* (thịt gà),… [+bộ phận cấu tạo]: *greix nyir* (thịt nạc), *greix traos* (thịt mỡ), *njur greix* (thịt thăn),… hoặc [+trạng thái vật lí]: *greix nhôngl* (thịt sống), *greix sar* (thịt chín),... Ở đây, nghĩa hạt nhân của *greix* vẫn được bảo toàn, còn yếu tố khu biệt chỉ thực hiện chức năng phân chia nội bộ phạm trù thịt theo nguồn gốc, bộ phận, trạng thái,... Tương tự, danh từ *kaok* (củ) có nghĩa hạt nhân bao hàm các nét [+bộ phận thực vật], [+ăn được], [+mọc dưới đất]. Trên cơ sở đó, *kaok* mở rộng thành các đơn vị từ vựng như *kaok ntông* (củ sắn), *kaok laz* (củ khoai lang), *kaok đaol* (củ hành), *kaok phưx flaos* (củ ấu),... Điều này cho thấy trong trường đồ ăn, danh từ trung tâm tổ chức nghĩa chủ yếu theo trục bản thể vật chất và khả năng phân thể của thực phẩm.

Ngược lại, trong trường thức uống, các danh từ trung tâm như *cuô* (nước), *chourr* (rượu), *mil* (sữa),… có cấu trúc nghĩa hạt nhân khác về bản chất. Nghĩa hạt nhân của các đơn vị này được xác lập chủ yếu bởi những nét nghĩa như [+chất lỏng], [+uống được], [+dùng trực tiếp], và trong nhiều trường hợp còn gắn với chức năng sử dụng. Vì vậy, sự mở rộng nghĩa của các danh từ trung tâm

trong trường thức uống không diễn ra mạnh theo hướng phân chia cấu trúc vật chất, mà chủ yếu theo hướng khu biệt hóa loại đồ uống dựa trên nguyên liệu, vị giác, trạng thái và công dụng.

Chẳng hạn như từ *cuô* (nước), nghĩa hạt nhân của *cuô* được xác lập chủ yếu bởi các nét nghĩa như [+chất lỏng], [+uống được], [+chức năng sử dụng đối với cơ thể], không bao hàm nét [+cấu trúc có thể phân chia] như trong trường đồ ăn. Do đó, sự mở rộng nghĩa của *cuô* không diễn ra theo hướng phân chia cấu trúc nội tại, mà theo hướng khu biệt hóa dựa trên công dụng và mục đích sử dụng, như *cuô thangx txir lưl* (nước chanh), *cuô krar* (nước gừng), *cuô yuôx* (nước thuốc),… Tương tự, *chơưr* (rượu), cấu trúc nghĩa hạt nhân thể hiện rõ định hướng chức năng. Bên cạnh các nét nghĩa [+chất lỏng] và [+uống được], *chơưr* còn bao hàm các nét [+lên men], [+có cồn], qua đó xác lập một tiểu phạm trù thức uống đặc thù. Vì vậy, các tổ hợp như *chơưr maol* / *chơưr blâuv* (rượu nếp), *chơưr txir kar* (rượu nho), *chơưr cxu ôr* (rượu cần),… không nhằm mô tả cấu trúc vật chất của rượu, mà nhằm khu biệt các loại rượu theo nguồn gốc nguyên liệu và đặc tính sử dụng. Có thể nói, trong trường thức uống, danh từ trung tâm tổ chức nghĩa theo trục công dụng và chức năng sử dụng, chứ không theo trục phân thể vật chất như trong trường đồ ăn.

Từ sự đối chiếu trên có thể thấy rằng, nếu các danh từ trung tâm trong trường đồ ăn tổ chức nghĩa theo mô hình khái quát hóa mang tính vật thể, nhấn mạnh bản thể và cấu trúc của thực phẩm thì các danh từ trung tâm trong trường thức uống lại vận hành theo mô hình khái quát hóa thiên về chức năng, nhấn mạnh công dụng và tác động của đồ uống. Chính sự khác biệt ở tầng cấu trúc nghĩa này tạo tiền đề cho những khác biệt tiếp theo về hệ nét nghĩa phân loại và các quan hệ ngữ nghĩa nội tại của mỗi tiểu trường.

3.2. Nét nghĩa phân loại

Nếu cấu trúc nghĩa của các danh từ trung tâm phản ánh cách khái quát hóa cơ bản đối với đồ ăn và thức uống trong tiếng H'Mông, thì hệ nét nghĩa phân loại cho thấy rõ hơn cách tổ chức nội tại và cách các đơn vị từ vựng được khu biệt với nhau trong quá trình sử dụng của mỗi tiểu trường. Sự khác biệt giữa hai tiểu trường không chỉ nằm ở mức độ chi tiết và loại nét nghĩa được ưu tiên, mà còn ở thứ bậc tổ chức và phạm vi chi phối của từng trục phân loại.

Trong trường đồ ăn, các nét nghĩa phân loại chủ yếu xoay quanh ba trục lớn: nguồn gốc nguyên liệu, trạng thái vật lí và phương thức chế biến. Điều này xuất phát từ việc trường đồ ăn được tổ chức theo đặc trưng vật thể (đặc điểm vật thể và xử lí kỹ thuật trước khi sử dụng). Vì vậy, tiếng H'Mông hình thành một hệ thống từ ngữ phong phú để biểu thị các trạng thái khác nhau của cùng một loại thực phẩm. Nổi bật trước hết là các nét nghĩa liên quan đến mức độ chín, thể hiện qua các đơn vị như *nhôngl* (sống), *sar* (chín), cùng những tổ hợp như *greix nhôngl* (thịt sống), *greix sar* (thịt chín) hay *sar thơưv* (chín tới), *sar muôs* (chín nục),… Những nét nghĩa này cho phép phân biệt không chỉ giữa đồ ăn chưa qua chế biến và đã qua chế biến mà còn giữa các trạng thái trung gian hoặc kết quả khác nhau của quá trình nấu nướng. Bên cạnh đó, các nét nghĩa chỉ độ đặc - loãng, độ khô - ướt, độ nóng - nguội cũng giữ vai trò quan trọng trong việc phân loại đồ ăn. Các tổ hợp như *cuô đik nhênhv* (cháo đặc) và *cuô đik nyaz* (cháo loãng), hay *jâuz kruôr* (rau khô) và *jâuz ntuz* (rau ướt),… cho thấy cùng một loại món ăn có thể được định danh khác nhau tùy theo trạng thái vật lí của thành phẩm. Những nét nghĩa này phản ánh các đặc trưng cảm quan đã được ngôn ngữ hóa khá ổn định trong trường đồ ăn. Một nhóm nét nghĩa phân loại khác có tính hệ thống cao trong trường đồ ăn là các nét nghĩa chỉ phương thức chế biến. Tiếng H'Mông sử dụng nhiều động từ và tổ hợp động từ để biểu thị các thao tác nấu nướng khác nhau như *chi* (nướng), *ciz/nthênh* (rán, chiên, áp chảo), *hâu* (luộc), *tsơưl* (hầm), *lăngl* (muối),... Khi kết hợp với danh từ trung tâm, các yếu tố này tạo thành những đơn vị định danh món ăn cụ thể, chẳng hạn *greix chi* (thịt nướng), *greix hâu* (thịt bung), *greix nthênh* (thịt áp chảo),... Trên thực tế, trong tư liệu khảo sát, danh từ trung tâm *greix* (thịt) hình thành 18 tổ hợp cấu trúc *greix + X*, được khu biệt theo các tiêu chí như nguồn gốc, bộ phận, trạng thái và phương thức chế biến. Số lượng tổ hợp lớn và sự đa dạng về tiêu chí khu biệt cho thấy *greix* giữ vai trò trung tâm trong việc triển khai hệ nét nghĩa phân loại của trường từ vựng đồ ăn tiếng H'Mông. Trong những trường hợp

này, nét nghĩa phân loại không còn nằm ở bản thân nguyên liệu, mà nằm ở cách thức con người tác động lên nguyên liệu để tạo ra món ăn. Như vậy, hệ nét nghĩa phân loại của trường đồ ăn được tổ chức chủ yếu theo ba trục: nguồn gốc nguyên liệu, trạng thái vật lí và phương thức chế biến, trong đó trục trạng thái vật lí và phương thức chế biến giữ vai trò đặc biệt nổi bật.

Ngược lại, trong trường thức uống, các nét nghĩa phân loại không tập trung chủ yếu vào trạng thái vật lí thao tác chế biến theo cách ổn định như ở trường đồ ăn. Điều này có thể lí giải từ việc trường thức uống được tổ chức nghiêng nhiều hơn về đặc trưng chức năng, thành phần và cảm quan của các chất lỏng được tiêu thụ dưới hình thức uống. Vì thế, tiếng H'Mông ưu tiên các nét nghĩa phân loại liên quan đến thành phần nguyên liệu cấu thành, vị giác, trạng thái sử dụng điển hình và chức năng sử dụng. Chẳng hạn, *cuô* với nghĩa khái quát là (nước) có thể được khu biệt thành *cuô thangx txir lưl* (nước chanh), *cuô yuôx* (nước thuốc), *cuô mil* (sữa, sữa pha), *cuô kăngz jiz* (nước ngọt),… Ở đây, yếu tố khu biệt chủ yếu làm rõ thành phần, đặc trưng cảm quan hoặc chức năng của đồ uống đối với người sử dụng, như giải khát, hỗ trợ sức khỏe hay bồi dưỡng. Đối với *chơưr* (rượu), hệ nét nghĩa phân loại được tổ chức quanh các đặc trưng ngữ nghĩa như [+lên men], [+có cồn] và [+nguồn gốc nguyên liệu], qua đó hình thành một tiểu trường thức uống có cấu trúc nghĩa tương đối ổn định. Vì vậy, các tổ hợp như *chơưr maol* / *chơưr blâuv* (rượu nếp), *chơưr txir kar* (rượu nho), *chơưr txir lưl kăngz jiz* (rượu cam),… không nhằm phản ánh trạng thái vật lí của thức uống, mà thực hiện chức năng khu biệt các loại rượu theo nguyên liệu và đặc tính sử dụng trong phạm vi trường thức uống.

Từ sự đối chiếu trên có thể thấy, hệ nét nghĩa phân loại của hai tiểu trường đồ ăn và thức uống được tổ chức theo những trục ưu tiên khác nhau. Trong khi trường đồ ăn ưu tiên các nét nghĩa liên quan đến nguồn gốc nguyên liệu, trạng thái vật lí và phương thức chế biến, thì trường thức uống ưu tiên các nét nghĩa gắn với thành phần nguyên liệu, vị giác, trạng thái và chức năng sử dụng. Sự khác biệt này chi phối cách thức phân loại và kết hợp các đơn vị từ vựng trong từng tiểu trường, góp phần tạo nên hai mô hình tổ chức ngữ nghĩa khác nhau của hai tiểu trường trong hệ thống từ vựng ẩm thực tiếng H'Mông.

3.3. Các quan hệ ngữ nghĩa nội tại

Bên cạnh cấu trúc nghĩa của các danh từ trung tâm và hệ nét nghĩa phân loại, hai tiểu trường đồ ăn và thức uống trong tiếng H'Mông còn được tổ chức bởi các quan hệ ngữ nghĩa nội tại giữa các đơn vị từ vựng. Các quan hệ này không tồn tại tách rời mà liên kết với nhau, tạo nên mạng lưới ngữ nghĩa có tính hệ thống trong từng tiểu trường. Tuy nhiên, do sự khác biệt về đặc điểm biểu vật và trục phân loại, cùng một kiểu quan hệ ngữ nghĩa có thể được thể hiện với mức độ khác nhau ở hai tiểu trường. Vì vậy, việc đối chiếu riêng từng quan hệ sẽ cho thấy rõ hơn đặc điểm tổ chức ngữ nghĩa của trường đồ ăn và trường thức uống trong tiếng H'Mông.

3.3.1. Quan hệ bao thuộc

Quan hệ bao thuộc là kiểu quan hệ giữa một đơn vị có nghĩa khái quát hơn với những đơn vị có nghĩa cụ thể hơn cùng thuộc một phạm vi biểu vật. Đây là quan hệ nổi bật ở cả hai tiểu trường, nhưng cách triển khai không hoàn toàn giống nhau. Ở tiểu trường đồ ăn, quan hệ bao thuộc có xu hướng phân nhánh rõ và có thể phát triển qua nhiều tầng bậc; trong khi đó, ở tiểu trường thức uống, quan hệ này tập trung hơn quanh một số danh từ trung tâm có tính khái quát cao như *cuô* (nước)*, chơưr* (rượu)*,...*

Trong tiểu trường đồ ăn, quan hệ bao thuộc thể hiện khá rõ qua các danh từ trung tâm như *maor* (cơm), *jâuz* (rau), *greix* (thịt), *njêl* (cá),... Chẳng hạn, *maor* có thể bao quát các đơn vị như *maor blâuv* (cơm nếp), *maor txuô* (cơm tẻ), *maor cuôv* (cơm độn), *maor chêư* (cơm nguội),... Tương tự, *jâuz* bao quát các đơn vị như *jâuz blông tâuz* (rau bí), *jâuz njuôz* (rau cải), *jâuz cax lax nhês* (rau cần), *jâuz hlêz / jâuz nhôngl* (rau diếp), *jâuz ôngv cxaiv* (rau muống)... Đáng chú ý, từ một đơn vị bậc dưới như *jâuz njuôz* (rau cải), hệ thống còn có thể tiếp tục triển khai thành các tiểu loại hẹp hơn như *jâuz paoz / jâuz krưr* (cải bắp), *jâuz pluôz* (cải bẹ), *jâuz păngx* (cải hoa), *jâuz tơưr nhux* (cải làn),... Điều này còn có thể bắt gặp ở *nduôr* (bánh) - *nduôr txôngv puôz* (bánh chưng) - *nduôr txôngv puôz tsuôs*

(bánh chưng chay) hay *cuô jâuz* (canh) - *cuô jâuz tâuz* (canh bí) - *cuô jâuz tâuz tưs* (canh bí đao), *cuô jâuz tâuz đăngs* (canh bí đỏ),… Từ đó cho thấy quan hệ bao thuộc trong trường đồ ăn không chỉ dừng ở mô hình "phạm trù chung → loại cụ thể", mà còn có thể mở rộng thành những bậc phân loại sâu hơn.

Trong tiểu trường thức uống, từ danh từ trung tâm *cuô* (nước), có thể xác lập các đơn vị như *cuô thangx txir lưl* (nước chanh), *cuô krar* (nước gừng), *cuô jâuz tsuôs* (nước rau luộc), *cuô yuôx* (nước thuốc), *cuô kăngz jiz* (nước ngọt), *cuô nhuôx* (nước mía),... Tương tự, từ *chơưr* (rượu) hình thành các đơn vị như *chơưr paoz cư* (rượu ngô), *chơưr paoz pxir* (rượu sắn), *chơưr phạor* (rượu gạo), *chơưr maol* (rượu nếp), *chơưr ndăng* (rượu trắng), *chơưr blâuv nyăngr* (rượu cẩm), *chơưr cxu ôr* (rượu cần),... So với tiểu trường đồ ăn, quan hệ bao thuộc ở tiểu trường thức uống vẫn rõ nhưng độ phân nhánh ở các bậc dưới nhìn chung hẹp hơn.

Như vậy, ở tiểu trường đồ ăn, quan hệ bao thuộc gắn mạnh với sự phân chia phạm trù thành các tiểu loại theo nguyên liệu, trạng thái hoặc đặc điểm chế biến và có thể phát triển qua nhiều cấp độ; còn ở tiểu trường thức uống, quan hệ này chủ yếu được tổ chức theo mô hình danh từ trung tâm → tên gọi thức uống cụ thể, với tính quy tụ rõ hơn quanh các đơn vị hạt nhân.

3.3.2. Quan hệ toàn thể - bộ phận

Quan hệ toàn thể - bộ phận là kiểu quan hệ giữa một đơn vị chỉ chỉnh thể với những đơn vị chỉ thành phần, bộ phận hoặc phần cấu tạo của chỉnh thể đó. So với quan hệ bao thuộc, quan hệ này xuất hiện với phạm vi hẹp hơn ở cả hai tiểu trường, nhưng mức độ biểu hiện ở trường đồ ăn rõ hơn ở trường thức uống.

Trong tiểu trường đồ ăn, quan hệ toàn thể - bộ phận thể hiện tương đối rõ ở các đơn vị chỉ thực phẩm có cấu tạo vật chất cụ thể, có thể phân tách thành các phần dùng trong chế biến và ăn uống. Chẳng hạn, *kei* (trứng) có các bộ phận như *gâuz* (lòng đỏ), *hli* (lòng trắng). Tương tự, *greix* (thịt) có thể liên hệ với các đơn vị như *greix nyir* (thịt nạc), *greix traos* (thịt mỡ), *greix kăngz plăngz / greix shơưk* (ba chỉ), *cư tơư* (chân giò), *njur greix* (bắp thịt/ thịt thăn),... Ở mức độ hẹp hơn, *njêl* (cá) cũng có các đơn vị như *luz păng njêl* (bong bóng cá), *tăngr njêl* (lườn cá),... Các đơn vị này không phải là những tiểu loại của cùng một phạm trù mà là những phần cấu thành của chính chỉnh thể được gọi tên.

Trong tiểu trường thức uống, quan hệ toàn thể - bộ phận mờ nhạt hơn. Tư liệu cho thấy chỉ có một số trường hợp gần với kiểu quan hệ này như *plê chơưr* (rượu cốt), *cuô nhênhv* (nước cốt), *blus* (váng). Những đơn vị này không biểu thị các "loại" thức uống khác nhau, mà nghiêng về việc chỉ phần tinh, phần cốt hoặc phần nổi của một chỉnh thể chất lỏng. Vì vậy, đây là kiểu quan hệ toàn thể - bộ phận có tính chất hạn chế và kém điển hình hơn so với trường đồ ăn.

So sánh hai tiểu trường có thể thấy quan hệ toàn thể - bộ phận ở trường đồ ăn rõ hơn, tự nhiên hơn và phong phú hơn về dẫn liệu; còn ở trường thức uống, quan hệ này chỉ xuất hiện ở một số trường hợp biểu thị phần cốt, phần tinh chất hoặc phần nổi của thức uống.

3.3.3. Quan hệ đồng nghĩa

Quan hệ đồng nghĩa trong hai tiểu trường đều không phải là kiểu quan hệ nổi trội nhất, bởi đa số các đơn vị từ vựng được tổ chức theo hướng khu biệt hóa tương đối rõ. Tuy nhiên, ở cả hai tiểu trường vẫn có thể ghi nhận những nhóm đơn vị có nội dung nghĩa gần nhau và có khả năng thay thế cho nhau trong một số ngữ cảnh nhất định. Cần lưu ý rằng phần lớn các trường hợp ở đây là đồng nghĩa không hoàn toàn, vì giữa các đơn vị vẫn có thể tồn tại sự khác biệt về sắc thái, phạm vi sử dụng hoặc biến thể phương ngữ.

Trong tiểu trường đồ ăn, quan hệ đồng nghĩa xuất hiện ở cả lớp từ chỉ thao tác, trạng thái lẫn một số tên gọi món ăn hoặc thực phẩm. Chẳng hạn, ba từ *naox, njuôk, hâuk* cùng chỉ hành động "ăn" nhưng giữa chúng có sự phân công về nghĩa. *Naox* là từ trung tâm, biểu thị hành động ăn nói chung; *njuôk* có phạm vi hẹp hơn, nghiêng về hành động ăn có thao tác nhai; còn *hâuk* chủ yếu thiên về "uống" và chỉ liên hệ với trường nghĩa "ăn" trong những ngữ cảnh rộng như "ăn uống", "chè chén", "xơi". Vì vậy, không nên xem *hâuk* là từ đồng nghĩa trực tiếp với *naox* theo nghĩa "ăn" hẹp. Tương

tự, *hâu*, *hlăngz* cùng chỉ phương thức "luộc", nhưng *hâu* thiên về "luộc/ nấu chín", còn *hlăngz* thiên về "chần/ nhúng". Ngoài ra, có thể ghi nhận một số nhóm đồng nghĩa như: *greix păngx, shuôz păngx, njêl păngx* cùng chỉ món "ruốc"; *faoz nangz, greix kăngz* cùng chỉ "thịt ba chỉ"; *jâuz krưr, jâuz paoz* cùng chỉ "bắp cải"; *njêl kaol tưs, njêl taos kưk* cùng chỉ "cá chuối/ cá quả"; *sar, cul* cùng biểu thị nghĩa "chín"; *cuz, sur* cùng biểu thị nghĩa "nóng",... Có thể thấy, quan hệ đồng nghĩa trong trường đồ ăn tuy không dày đặc nhưng phân bố ở khá nhiều lớp đơn vị khác nhau, từ thao tác, trạng thái đến tên gọi thực phẩm và món ăn.

Trong tiểu trường thức uống, quan hệ đồng nghĩa hẹp hơn và chủ yếu gặp ở các trường hợp tên gọi song song hoặc ở lớp từ chỉ công cụ, hành động phụ trợ. Chẳng hạn, *txir thôngx zưl nhês* và *cax phêk* đều chỉ "cà phê"; *nav côngr* và *khaoz ar* đều dùng để chỉ "cốc vại"; *trâur, nzis, tsix* đều mang nghĩa "đun". Ở đây, "tên gọi song song" được hiểu là những trường hợp cùng một đối tượng được tư liệu ghi nhận bằng hai hình thức gọi tên khác nhau; các hình thức này có thể cùng quy chiếu đến một sự vật nhưng chưa chắc đồng nghĩa tuyệt đối về sắc thái, phạm vi sử dụng hoặc nguồn gốc cấu tạo.

Vì vậy, nếu quan hệ đồng nghĩa ở tiểu trường đồ ăn có phạm vi hoạt động rộng và hiện diện ngay trong lớp từ chỉ món ăn, nguyên liệu, trạng thái và thao tác, thì ở tiểu trường thức uống, quan hệ này biểu hiện hẹp hơn, chủ yếu tập trung ở những lớp từ ngoại vi của trường nghĩa.

3.3.4. Quan hệ trái nghĩa

Quan hệ trái nghĩa là một trong những quan hệ ngữ nghĩa nội tại góp phần quan trọng vào việc phân chia và tổ chức các tiểu trường từ vựng. Tuy nhiên, cũng như quan hệ đồng nghĩa, quan hệ trái nghĩa không phân bố đồng đều trong hai tiểu trường đồ ăn và thức uống tiếng H'Mông, mà thể hiện sự khác biệt rõ rệt về phạm vi và mức độ xuất hiện. Trong trường đồ ăn, quan hệ trái nghĩa xuất hiện tương đối phổ biến và có tính hệ thống, chủ yếu gắn với các trục ngữ nghĩa biểu thị trạng thái và tính chất vật lí của thực phẩm. Các cặp đối lập như *nhôngl* (sống) ↔ *sar* (chín), *nhênhv* (đặc) ↔ *bur* (loãng), *kăngz* (đậm) ↔ *bur* (nhạt),… phản ánh những trạng thái đối lập trên cùng một trục chế biến hoặc cảm quan. Những cặp trái nghĩa này thường có khả năng kết hợp với cùng một danh từ trung tâm, qua đó tạo thành các đơn vị đối lập trong cùng một khuôn khổ cấu trúc, chẳng hạn *greix nhôngl* (thịt sống) ↔ *greix sar* (thịt chín), *cuô đik nhênhv* (cháo đặc) ↔ *cuô đik bur* (cháo loãng),... Nhờ đó, quan hệ trái nghĩa góp phần làm rõ các ranh giới nghĩa trong quá trình phân loại đồ ăn.

Ngược lại, trong trường thức uống, quan hệ trái nghĩa không xuất hiện ở lớp danh từ gọi tên thức uống, mà chủ yếu tồn tại ở tầng các yếu tố khu biệt biểu thị vị giác hoặc trạng thái. Các cặp đối lập như *kăngz jiz* (ngọt) ↔ *kâur* (đắng), *kâuz* (chua) ↔ *kăngz jiz* (ngọt), *ndêngz* (mát/ lạnh) ↔ *nlôngl* (nóng),… tạo nên những trục đối lập cơ bản trong việc mô tả và phân loại thức uống. Khi kết hợp với danh từ trung tâm *cuô* (nước), các yếu tố này hình thành các tổ hợp mang nghĩa đối lập như *cuô kăngz jiz* (nước ngọt) ↔ *cuô kâur* (nước đắng), *cuô ndêngz* (nước mát) ↔ *cuô nlôngl* (nước nóng),...

Có thể thấy rằng, nếu trong trường đồ ăn, quan hệ trái nghĩa giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức các trục trạng thái và mức độ chế biến của thực phẩm, thì trong trường thức uống, quan hệ này mang tính cục bộ và phụ trợ, chủ yếu phục vụ cho việc khu biệt các đặc trưng vị giác và trạng thái sử dụng. Sự khác biệt này tiếp tục khẳng định những trục tổ chức ngữ nghĩa khác nhau của hai tiểu trường trong hệ thống từ vựng ẩm thực tiếng H'Mông.

3.3.5. Quan hệ tuyến tính

Bên cạnh các quan hệ ngữ nghĩa mang tính phân loại và đối lập, hai tiểu trường đồ ăn và thức uống trong tiếng H'Mông còn thể hiện các quan hệ kết hợp ngữ nghĩa ổn định giữa các đơn vị từ vựng, qua đó hình thành những tổ hợp có tính cố kết trong sử dụng. Đây là những quan hệ không dựa chủ yếu trên sự tương đồng hay đối lập về nghĩa, mà dựa trên khả năng cùng xuất hiện của các từ trong một khung hành động ẩm thực như ăn, uống, chế biến, mời, nếm, nhắm hoặc sử dụng kèm. Trên cơ sở đó, chúng tạo nên những tổ hợp có nghĩa mở rộng so với nghĩa từ điển của từng yếu tố thành phần.

Trong tiểu trường đồ ăn, có thể thấy một số tổ hợp khá ổn định như *naox maor* (ăn cơm), *naox tsuôs* (ăn chay), *naox txaov* (ăn vặt), *naox nhông* (ăn gỏi),... Ở các tổ hợp này, *naox* (ăn) giữ vai trò là động từ trung tâm biểu thị hoạt động ăn, còn yếu tố đứng sau biểu thị đối tượng, cách thức hoặc kiểu ăn. Tương tự, trong trường thức uống, các tổ hợp như *hâuk chơur* (uống rượu), *trâu chơur* (chuốc rượu), *siv chơur* (nhấp rượu), *naox/nzuôs chơur* (nhắm rượu),… tạo thành một mạng lưới các kết hợp ổn định xoay quanh danh từ trung tâm *chơur* (rượu). Các tổ hợp này cho thấy *chơur* (rượu) có khả năng tham gia vào nhiều khung hành động khác nhau: uống, chuốc, nhấp, nhắm. Những quan hệ kết hợp ngữ nghĩa như trên góp phần mở rộng phạm vi biểu đạt của các đơn vị từ vựng khi đi vào tổ hợp, đồng thời cho thấy khả năng tổ chức nghĩa theo cụm và theo khung hành động của hệ thống từ vựng ẩm thực tiếng H'Mông.

Xét trên bình diện số lượng, trong tư liệu khảo sát, danh từ trung tâm *cuô* (nước) chỉ hình thành 7 tổ hợp cấu trúc *cuô + X*, chủ yếu gắn với các nhóm nghĩa chức năng như giải khát và hỗ trợ sức khỏe. Số lượng tổ hợp hạn chế nhưng tập trung theo công dụng cho thấy các quan hệ ngữ nghĩa trong trường thức uống được tổ chức theo trục chức năng và khả năng sử dụng, hơn là theo khu biệt vật thể. Đặt trong thế đối sánh với trường đồ ăn, nơi danh từ trung tâm *greix* (thịt) hình thành 18 tổ hợp cấu trúc *greix + X*, có thể thấy sự khác biệt căn bản trong định hướng tổ chức ngữ nghĩa của hai tiểu trường: trường đồ ăn được khu biệt hóa mạnh theo vật thể, trạng thái và quá trình chế biến, trong khi trường thức uống được tổ chức chủ yếu ở đặc trưng chất lỏng, công dụng và quan hệ kết hợp ngữ nghĩa trong tổ hợp.

Từ những phân tích trên có thể thấy, các quan hệ ngữ nghĩa nội tại trong hai tiểu trường đồ ăn và thức uống trong tiếng H'Mông không chỉ khác nhau về loại hình mà còn khác nhau về trọng tâm tổ chức. Trường đồ ăn nổi bật ở quan hệ toàn thể - bộ phận và các đối lập về trạng thái vật lí, cho thấy trường đồ ăn được tổ chức theo đặc trưng "thực thể có cấu trúc" và các quan hệ gắn với trạng thái và quá trình biến đổi vật chất. Trong khi đó, trường thức uống nổi bật ở các quan hệ kết hợp ngữ nghĩa và các đối lập về chức năng sử dụng, cho thấy trường thức uống được tổ chức chủ yếu theo trục công dụng và giá trị sử dụng của đối tượng được định danh. Sự khác biệt này góp phần làm rõ cơ chế tổ chức ngữ nghĩa đặc thù của mỗi tiểu trường trong hệ thống từ vựng ẩm thực tiếng H'Mông.

4. Kết luận

Trên cơ sở so sánh đặc điểm ngữ nghĩa của hai tiểu trường từ vựng chỉ đồ ăn và thức uống trong tiếng H'Mông, bài viết đã làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong cách tổ chức ngữ nghĩa của hai tiểu trường này trong phạm trù ẩm thực. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù cùng thuộc một lĩnh vực từ vựng, trường đồ ăn và trường thức uống không được tổ chức hoàn toàn theo cùng một trục ngữ nghĩa, mà có những định hướng tổ chức nghĩa khác nhau, thể hiện qua cấu trúc nghĩa của các danh từ trung tâm, hệ nét nghĩa phân loại và các quan hệ ngữ nghĩa nội tại chi phối mỗi tiểu trường.

Cụ thể, trong trường đồ ăn, các danh từ trung tâm có phạm vi nghĩa rộng và khả năng chi phối cao, từ đó hình thành hệ thống các đơn vị từ vựng có quan hệ bao thuộc và phân tầng rõ rệt. Hệ nét nghĩa phân loại trong trường này chủ yếu gắn với các đặc trưng như nguồn gốc nguyên liệu, trạng thái vật lí, thành phần/ bộ phận cấu tạo và phương thức chế biến, góp phần tạo nên một cấu trúc ngữ nghĩa mang tính vật thể, phân thể và phân hóa cao. Ngược lại, trong trường thức uống, các danh từ trung tâm có phạm vi kết hợp nhìn chung hạn chế hơn, quan hệ toàn thể - bộ phận mờ nhạt và kém nổi bật hơn so với trường đồ ăn. Các nét nghĩa phân loại của trường này chủ yếu tập trung vào đặc trưng chất lỏng, thành phần/ nguyên liệu, vị giác, trạng thái sử dụng và chức năng sử dụng. Sự khác biệt này cho thấy hai tiểu trường được tổ chức theo những trục ngữ nghĩa chi phối khác nhau, phù hợp với đặc điểm ngữ nghĩa của các đối tượng được định danh trong từng tiểu trường.

Từ góc độ so sánh, có thể thấy rằng việc đối chiếu hai tiểu trường đồ ăn và thức uống không chỉ giúp làm rõ cấu trúc nội tại của từng tiểu trường, mà còn góp phần nhận diện rõ hơn cách hệ thống từ vựng tiếng H'Mông phân chia và tổ chức nghĩa trong cùng một phạm trù ẩm thực. Kết quả nghiên

cứu khẳng định tính hiệu quả của cách tiếp cận ngữ nghĩa học từ vựng trong việc mô tả và so sánh các trường từ vựng, đồng thời bổ sung những phân tích cụ thể về cơ chế tổ chức nghĩa theo trục vật thể - chế biến ở trường đồ ăn và trục chất lỏng - chức năng sử dụng ở trường thức uống trong tiếng H'Mông. Trên cơ sở đó, bài viết gợi mở khả năng tiếp tục khảo sát các trường từ vựng khác hoặc thực hiện đối chiếu với các ngôn ngữ dân tộc thiểu số khác nhằm làm rõ hơn sự đa dạng trong các mô hình tổ chức ngữ nghĩa của trường từ vựng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục. Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1998), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Giáo dục. Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Chỉnh (1996), *Từ điển Việt - Mông,* Nxb Văn hóa dân tộc. Hà Nội.
4. Ngô Minh Nguyệt (2014), *Đặc điểm trường ngữ nghĩa ẩm thực (trên tư liệu tiếng Hán và tiếng Việt),* Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Thào Seo Sình, Phan Xuân Thành, Phan Thanh (1999), *Từ điển Việt - Mông,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

A comparison of the semantic characteristics of the food and drink subfields within the culinary lexical-semantic field of the Hmong Language

Abstract: This paper compares the semantic characteristics of the lexical fields denoting food and beverages in the Hmong language, focusing on three aspects: (i) the semantic structure and referential scope of core nouns, (ii) the system of classificatory semantic features, and (iii) the semantic relations within each lexical field. The analysis shows that both fields are organized around highly general core nouns, such as *maor* (rice), *greix* (meat), *jâuz* (vegetables), *cuô* (water), and *chơur* (alcoholic beverage), but differ in their dominant classificatory axes. The food field emphasizes states of preparation and the material structure of food items, whereas the beverage field highlights types of liquids, sensory characteristics, and functional uses, such as refreshment, health support, and alcoholic content. These differences clarify the distinct mechanisms of semantic organization governing the two subfields within the culinary lexical system of the Hmong language.

Key words: Hmong language; lexical field; food; beverages; lexical semantics.